

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 03/5/2019.

“V/v : Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Phi.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018, về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 5, thôn 2, xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- Bị đơn: Anh Thổ T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm 5, thôn 2, xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Chị Trần Thị D trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Thổ T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2010 tại UBND xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến tháng 5/2018 do anh T thường uống rượu, kiếm chuyện gây gổ; đánh

đập và dùng những lời lẽ xúc phạm đến chị D. Cho nên, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Chị D không muốn sống chung với anh T nữa, nên đề nghị giải quyết ly hôn.

- *Về con chung*: Chị D và anh Dũng có hai người con chung tên là Trần Trung H, sinh ngày 03/12/2009; Thổ Trung P, sinh ngày 24/8/2015. Chị D đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nếu ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi hai người con chung cho đến khi thành niên. Trường hợp, anh T có nguyện vọng được nuôi con Thổ Trung P thì chị D chấp nhận giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Trần Thị D không yêu cầu giải quyết.

[2]. Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn – Anh Thổ T trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vào năm 2010 anh Thổ T và chị Trần Thị D đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Thế nhưng, đến tháng 4/2018 do chị D đi làm ở công ty tại Đồng Nai nên không có nhiều thời gian chăm lo cho gia đình. Mặc dù, anh T đã nhiều lần khuyên răn chị D về làm việc gần nhà, nhưng chị D không đồng ý. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Chị D nhiều lần đánh đập anh T. Cho nên, từ tháng 10/2018 anh T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và đã ly thân với chị D cho đến nay. Hiện nay, anh T vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh T và chị D có hai người con chung tên là Trần Trung H, sinh ngày 03/12/2009 và Thổ Trung P, sinh ngày 24/8/2015. Hiện nay, các con đang sống chung với chị D. Nếu ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi con Thổ Trung P và đồng giao con Trần Trung H cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Chị Trần Thị D cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản sao); 01 sổ hộ khẩu (bản sao); 02 bản sao giấy khai sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến xác minh tại địa phương ở thôn 2, xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận về tình trạng quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị D và anh T; lấy lời khai của anh Thổ T.

[4]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị D và anh Thổ T đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay.

- *Về con chung*: Chị D và anh T có hai người con chung tên là Trần Trung H, sinh ngày 03/12/2009; Thổ Trung P, sinh ngày 24/8/2015.

Chị D đồng ý giao con chung Thổ Trung P cho anh T được quyền nuôi dưỡng. Anh T chấp nhận giao cho chị D được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Trung H.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị D cho rằng: Do anh T thường uống rượu; kiếm chuyện gây gổ đánh đập chị D. Anh T thường dùng những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của chị D. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn

Anh Thổ T cho rằng: Do chị D đi làm ăn xa nhà nên không dành nhiều thời gian để chăm sóc gia đình. Cho nên, vợ chồng thường cãi vã nhau. Chị D nhiều lần đánh đập anh T. Anh T không thể tiếp tục chung sống với chị D nên đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Anh T vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Thổ T.

Về con chung:

Giao cháu Trần Trung H, sinh ngày 03/12/2009 cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Giao cháu Thổ Trung P, sinh ngày 24/8/2015 cho anh Thổ T được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Anh T, chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con qua lại cho nhau; nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập anh Thổ T hai lần hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn Thổ T. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Thổ T là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật trong vụ án:*

Nguyên đơn - Chị Trần Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn - chị Trần Thị D:*

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị Trần Thị D và anh Thổ T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009; đến năm 2010 đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do chị D thường đi làm ăn xa nên không có nhiều thời gian dành cho gia đình. Trong khi đó, anh T thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây gổ; dùng những lời lẽ xúc đến danh dự của chị D. Những lúc cãi vã nhau, thỉnh thoảng anh T và chị D đánh đập nhau. Mặc dù, anh T vẫn còn tình cảm với chị D và mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nên không đồng ý ly hôn. Thế nhưng, chị D không mong muốn sống chung với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 29/01/2019 thể hiện: Thời gian sống tại địa phương, chị D và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và vợ chồng nhiều lần đánh đập nhau. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên từ tháng 10/2018 chị D và anh T đã sống ly thân với nhau.

Tại phiên tòa, chị D xác định không còn tình cảm gì với anh T và không mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau vì cuộc sống vợ chồng không có hạnh

phúc. Trong thời gian sống ly thân, anh T đã nhiều lần vận động chị D chung sống lại với nhau. Sau đó, chị D và anh T sống lại với nhau được một thời gian. Tuy nhiên, do anh T không thay đổi được tính tình nên vợ chồng chung sống không được hạnh phúc. Do đó, anh T và chị D tiếp tục sống ly thân với nhau cho đến nay. Thời gian này, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị D và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài; vợ chồng chung sống không có hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ để chấp nhận. Cho nên, cần xử cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Thổ T là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung:

Chị Trần Thị D và anh Thổ T có chung hai người con tên là Trần Trung H, sinh ngày 03/12/2009; Thổ Trung P, sinh ngày 24/8/2015. Hiện nay, các con đang do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Thổ T, ngày 29/01/2019 thể hiện: Nếu ly hôn anh Thổ T có nguyện vọng được nuôi con Thổ Trung P cho đến khi thành niên và đồng ý giao con Trần Trung H cho chị D được quyền nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị D có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Trung H và đồng ý giao cho anh Thổ T được quyền nuôi dưỡng cháu Thổ Trung P cho đến khi thành niên.

Tại phiên tòa, cháu Trần Trung H trình bày: Trường hợp chị D và anh T không còn chung sống với nhau thì cháu H có nguyện vọng được sống với chị D.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần tiếp tục giao cho chị Trần Thị D có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Trần Trung H, sinh ngày 03/12/2009 cho đến khi thành niên; giao cho anh Thổ T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Thổ Trung P cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con:

Tại phiên tòa, chị Trần Thị D không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Các bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5]. *Về án phí:* Cần buộc chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Thổ T; giao cho chị Trần Thị D được quyền nuôi dưỡng con chung tên là Trần Trung H; giao cho anh Thổ T được quyền nuôi dưỡng con chung tên là Trần Trung P cho đến khi thành niên là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, khóa XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Thổ T.
2. *Về con chung:* Tiếp tục giao cho chị Trần Thị D có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Trần Trung H, sinh ngày 03/12/2009 cho đến khi thành niên.

Buộc chị Trần Thị D có trách nhiệm giao cho anh Thổ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Thổ Trung P, sinh ngày 24/8/2015 cho đến khi thành niên.

Anh T, chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con qua lại cho nhau; nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về án phí:* Buộc chị Trần Thị D phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là: 300.000đồng mà chị D đã nộp theo biên lai số N.0012978, ngày 05/12/2018 của Chi cục T hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Trần Thị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án - Ngày 03/5/2019. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (***Đã giải thích quyền kháng cáo***).

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C T hành án DS;
- UBND xã H (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến